TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 445/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Tổ 19, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Hồ Tứ Q, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 19, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị* Nguyễn Thị Bé B *trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên chị và anh Hồ Tứ Q tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày15/4/2015 tại UBND xã V, C, An Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, anh Q không

lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, có người phụ nữ bên ngoài. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh Q1 không thay đổi. Từ đó, anh chị thường hay cự cãi, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng nhau, vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Cha mẹ hai bên biết sự việc nhưng không hàn gắn.

Từ tháng 7/2022, anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Trong thời gian ly thân, anh Q không chủ động hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, một đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Hồ Tứ L, sinh ngày 21/6/2011, Hồ Đăng K, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Hồ Đăng K1, sinh ngày 15/05/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung là cháu Hồ Đăng K1, sinh ngày 15/05/2018, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Đồng ý giao cháu Hồ Tứ L và Hồ Đăng K cho anh Q nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh* Hồ Tứ Q*:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người, nhưng anh Q đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Q: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé B, giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Hồ Tứ Q; về con chung: giao cháu K1 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị B không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, tiếp tục giao cháu Tứ L và Đăng Khoa cho anh Q nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bé B và anh Hồ Tứ Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C nên

được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị B yêu cầu ly hôn với anh Q. Anh Q có hộ khẩu thường trú ở ấp T, xã V, huyện C, An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hồ Tứ Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bé B xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng sáu năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Q theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh Q vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Q đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị B đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị B.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị B và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé B là được ly hôn với anh Hồ Tứ Q.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bé B thừa nhận giữa chị và anh Hồ Tứ Q có 03 con chung là cháu Hồ Tứ L, sinh ngày 21/6/2011, Hồ Đăng K, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Hồ Đăng K1, sinh ngày 15/05/2018. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận các cháu L, K1 và K là con chung của chị B và anh Q. Hiện cháu L và K đang sống với ba. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung là cháu Hồ Đăng K1, đồng ý giao cháu Hồ Tứ L và Hồ Đăng K cho anh Q nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hồ Tứ Q và chị Nguyễn Thị Bé B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều

kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Chị Nguyễn Thị Bé B và anh Hồ Tứ Q có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị Bé B có yêu cầu ly hôn với anh Hồ Tứ Q nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé B. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé B đối với anh Hồ Tứ Q.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận các cháu Hồ Tứ L, sinh ngày 21/6/2011, Hồ Đăng K, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Hồ Đăng K1, sinh ngày 15/05/2018 là con chung của chị Nguyễn Thị Bé B và anh Hồ Tứ Q;

+ Tiếp tục giao cháu Hồ Đăng K1, sinh ngày 15/05/2018 cho chị Nguyễn Thị Bé B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hiện cháu K1 đang sống chung với chị B); anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu;

+ Tiếp tục giao cháu Hồ Tứ L, sinh ngày 21/6/2011 và Hồ Đăng K, sinh ngày 15/5/2015 cho anh Hồ Tứ Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hiện cháu K và L đang sống chung với anh Q); chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu;

+ Anh Hồ Tứ Q, chị Nguyễn Thị Bé B cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở các bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004371 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị B đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé B1 anh Hồ Tứ Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Hiệp **Nguyễn Hoàng Tiến** **Hà Thị Mỹ Linh**